

Bản án số: 71/2024/HC-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v “*Khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Khánh

Ông Đoàn Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HC ngày 29/5/2024 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐXXST-HC ngày 15/8/2024; Thông báo số 461/TB-TA ngày 30/8/2024 về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đoàn Thị B, sinh năm: 1935; Địa chỉ: Tổ 81, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Mai Hồng T, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 25 đường Đ, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ; Địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Đ, số 24 đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Nguyễn Thị Anh T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Nguyễn Thế T - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ. Có mặt.

2.2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ; Địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Đ, số 24 đường T, phường T Thang, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Thế T - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND quận S, thành phố Đ; Địa chỉ: Số 02 đường Đ, quận S, thành phố Đ.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Huỳnh Văn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận S, thành phố Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn trình bày ý kiến của người khởi kiện bà Đoàn Thị B; trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền bà Mai Hồng T trình bày:*

Bà Đoàn Thị B là mẹ của Liệt sỹ Võ Văn Bốn, gia đình bà B thuộc diện giải toả khu vực Tây Trường Chính trị thành phố Đ và nhận được 02 lô đất tái định cư là lô 57 và lô 58, đường C, phường A, quận S, thành phố Đ. Theo quy định thì số tiền sử dụng đất mà bà B phải nộp là 9.079.114.800 đồng (*Chín tỷ không trăm bảy mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn tám trăm đồng*). Bà B thuộc diện thân nhân người có công với cách mạng nên Bà đã làm đơn đề nghị UBND thành phố Đ và các cơ quan liên quan xem xét miễn, giảm tiền sử dụng cho Bà nhưng không được giải quyết.

Ngày 05/01/2024, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 23/QĐ-UBND) về việc hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng, theo đó hỗ trợ bà B số tiền 49.000.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu đồng*), trong khi đơn yêu cầu của Bà hoàn toàn không xin hỗ trợ tiền sử dụng đất.

Bà B đã khiếu nại Quyết định số 23/QĐ-UBND nhưng UBND thành phố Đ không giải quyết khiếu nại mà giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ giải quyết.

Tại Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ (gọi tắt là Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không chấp nhận yêu cầu của bà về việc xin miễn, giảm đối với tiền sử dụng đất. Nên bà B tiếp tục khiếu nại thì UBND thành phố Đ ban hành Công văn số 1085/VPBTCĐ ngày 27/3/2024 giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố chủ trì, phối hợp với UBND quận S, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, Sở Tài chính thành phố, Cục Thuế thành phố,... giải quyết trước ngày 10/4/2024. Tuy nhiên đến ngày này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố và các ban ngành liên quan hoàn toàn không có động thái nào, trong khi bà B tuổi đã lớn, sức khoẻ ngày càng giảm sút, không đủ điều kiện chờ đợi các cơ quan giải quyết.

Theo Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC thì đất của bà B được giao thuộc diện tái định cư, do đó không có cơ sở xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất là không có căn cứ. Vì:

Thứ nhất, đất bà B được nhận tái định cư là đất do Nhà nước giao: Tại điểm c khoản 2 Điều 4 (thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất) Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 45/2014/NĐ-CP) về *“quy định về thu tiền sử dụng đất”* quy định: *“Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền sử dụng đất là tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư....”*. Như vậy, theo Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì đất tái định cư là đối tượng thu tiền sử dụng đất vì thuộc diện đất do Nhà nước giao. Trong trường hợp đất của bà không thuộc trường hợp Nhà nước giao thì thuộc trường hợp nào (thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng?) và nếu không thuộc trường hợp đất do Nhà nước giao thì vì sao phải nộp tiền sử dụng đất? Cách lý giải của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là mập mờ, không rõ ràng.

Thứ hai, do đất bà B được nhận là đất Nhà nước giao nên tại điểm a khoản 1 Điều 2 (đối tượng thu tiền sử dụng đất) Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ *“quy định về thu tiền sử dụng đất”* thì *“đối tượng thu tiền sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở”*. Do đó, bà B thuộc đối tượng Nhà nước thu tiền sử dụng đất khi được giao đất.

Thứ ba, tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104, Mục 7, Chương III (miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất) Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 30/12/2021 của Chính phủ thì bà Đoàn Thị B là *“Thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng”* nên là đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất, cũng như quy định tại điểm d (Thân nhân liệt sỹ), khoản 3 Điều 105 được *“giảm 70% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở”*.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ xác định đất bà B nhận là đất tái định cư. Đồng nghĩa với việc xác định đất bà B nhận là đất Nhà nước giao nhưng không áp dụng Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (gọi tắt là Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) để miễn, giảm tiền sử dụng đất cho bà B như quy định tại khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đã gây thiệt hại đến tài chính của bà B. Ngoài ra, tại Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ cho rằng UBND thành phố Đ căn cứ Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đ (gọi tắt là Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND) để hỗ trợ tiền dụng đất cho bà B là không đúng vì đây là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đ đối với việc hỗ trợ tiền sử dụng đất, còn việc miễn, giảm tiền sử dụng đất được Chính phủ quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nói trên và bà B cũng không có nhu cầu xin hỗ trợ tiền sử dụng đất. Bản thân bà B đây là lần đầu tiên được Nhà nước giao đất và cũng là lần đầu tiên bà B có yêu cầu UBND thành phố Đ và các cơ quan liên quan xem

xét miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với bà là thân nhân liệt sỹ. Ngoài ra, trong quá trình xin miễn, giảm tiền sử dụng đất, bà B hoàn toàn không có nhu cầu xin hỗ trợ tiền sử dụng đất nhưng UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND hỗ trợ cho bà số tiền 49.000.000 đồng nhằm để không xem xét yêu cầu của bà về miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nói trên. Do vậy bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

- Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công cách mạng.

- Hủy Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ về việc trả lời đơn công dân.

- + Tại phiên tòa, bà Mai Hồng T là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đồng ý rút yêu cầu khởi kiện hủy Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ về việc trả lời đơn công dân do vào ngày 12/3/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 593/SLĐTBXH-NCC về việc thu hồi công văn trả lời đơn; Đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ để UBND có thẩm quyền làm thủ tục giảm 70% tiền sử dụng đất cho bà B, vì bà B thuộc trường hợp “Thân nhân liệt sỹ” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

** Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ là bà Nguyễn Thị Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình tham gia tố tụng có Văn bản số 4306/UBND-SLĐTBXH ngày 07/8/2024 về việc nêu quan điểm đối với vụ án:*

- Về việc giải quyết hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với bà Đoàn Thị B:

Bà Đoàn Thị B là mẹ liệt sỹ Võ Văn Bốn. Năm 2021 gia đình bà B thuộc diện giải tỏa Dự án Khu vực phía tây Trường Chính trị đoạn từ đường 30m đến Đông Kinh Nghĩa Thục - thuộc KDC An cư 4 (phần còn lại) Đợt 1-QĐ 05 và được Ban Giải phóng mặt bằng quận S bố trí thửa đất 234, tờ bản đồ số 39, lô số 57 Khu L, khu dân cư An Cư 3, phường A, quận S, thành phố Đ. Ngày 08/12/2023, bà Đoàn Thị B có gửi đơn đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với lô đất nêu trên. Căn cứ Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ tiền sử dụng đất và hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Đ, trong đó quy định chính sách hỗ trợ bằng tiền đối với các trường hợp người có công với cách mạng thuộc diện giải tỏa, được bố trí đất tái định cư, bố trí đất để cải thiện nhà ở (kể cả các khu vực quy hoạch khai thác quỹ đất), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng cho bà Đoàn Thị B tại lô đất nêu trên với số tiền 49.000.000 đồng. Đây là

chính sách hỗ trợ riêng của thành phố Đ đối với các trường hợp người có công với cách mạng thuộc diện giải tỏa, được bố trí đất tái định cư.

- Đối với quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng:

Ngày 24/5/2024, Cục Thuế thành phố có Công văn số 4612/CTDAN-HKDCN gửi Tổng cục Thuế về việc báo cáo chính sách giảm tiền sử dụng đất bố trí tái định cư đối với người có công cách mạng và thân nhân liệt sỹ.

Ngày 26/7/2024, Tổng cục Thuế đã có Công văn số 3224/TCT-CS về việc tiền sử dụng đất. Theo đó, Tổng cục Thuế có ý kiến: “Pháp luật về thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 (Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung) không có quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân (trong đó bao gồm người có công với cách mạng) được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai...”.

Ngoài nội dung trả lời nêu trên, Tổng cục Thuế còn cung cấp các văn bản do Bộ Tài chính ban hành gửi các địa phương liên quan đến hướng dẫn về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như: số 12609/BTC-QLCS ngày 13/10/2020 trả lời Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp; số 8685/BTC-QLCS ngày 30/8/2022 trả lời Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định; số 9947/BTC-QLCS ngày 29/9/2022 trả lời UBND tỉnh Điện Biên. Mặt khác, tại Điều 100 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về nguyên tắc quy định: “1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất quy định tại Điều 104 và Điều 105 Nghị định này được thực hiện quy định tại Điều 6 Pháp lệnh và theo nguyên tắc quy định tại pháp luật về thu tiền sử dụng đất ...”.

Như vậy, trên cơ sở Đơn đề nghị hỗ trợ tiền sử dụng đất của bà Đoàn Thị B, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố có Tờ trình số 4051/SLĐTBXH-NCC ngày 29/12/2023 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng là đúng quy định tại Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đ về Quy định chính sách hỗ trợ tiền sử dụng đất và hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Đ. Do đó, việc bà Đoàn Thị B có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố là không có cơ sở.

** Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ, ông Nguyễn Thế T trình bày:*

Quan điểm giữ nguyên theo Văn bản số 4306/UBND-SLĐTBXH ngày 07/8/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Tuy nhiên chủ trương của UBND thành phố Đ là áp dụng chính sách có lợi nhất cho người dân. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ là ông Nguyễn Thế T trình bày:*

Đối với nội dung khởi kiện của bà Đoàn Thị B yêu cầu huỷ Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ về việc trả lời đơn công dân. Ngày 12/3/2024, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 593/SLĐTBXH-NCC về việc thu hồi công văn trả lời đơn. Theo đó, Sở đã thu hồi lại Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024. Do đó, đối tượng khởi kiện đối với Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC này không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

** Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.*

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật Tố tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B về huỷ Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ về việc trả lời đơn công dân.

+ Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Đoàn Thị B. Huỷ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

- Án phí hành chính sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng

xét xử cũng như các bên đương sự trong quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng. Sau khi nghị án thảo luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đề nghị hủy Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 về việc trả lời đơn công dân. Ngày 12/3/2024, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 593/SLĐTBXH-NCC về việc thu hồi Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Mai Hồng T đồng ý rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Mai Hồng T là tự nguyện nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[1.2] Về đối tượng, thẩm quyền khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Đây là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/5/2024, bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Mai Hồng T yêu cầu hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024. Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ giữ nguyên quan điểm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024, thì thấy:

Năm 2021 bà Đoàn Thị B thuộc diện giải tỏa Dự án Khu vực phía Tây Trường Chính trị đoạn từ đường 30m đến Đông Kinh Nghĩa Thục - thuộc KDC An Cư 4 (phần còn lại) Dợt 1-QĐ 05 và được UBND quận S, thành phố Đ có Quyết định số 5250/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, bố trí tái định cư cho bà B 01 lô đất đường 10,5m Khu dân cư An Cư 3, 01 lô đất đường 10,5m Khu dân cư An Cư 3 nhân hệ số K = 1,05 và 01 lô đất đường 7,5m Khu A1.6 Vịnh Mân Quang.

Ngày 05/10/2023 và ngày 07/12/2023, Chi cục Thuế khu vực Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn có các Thông báo về việc nộp thuế sử dụng đất. Đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39, lô số 57 khu L, Khu dân cư An Cư 3, số tiền sử dụng đất

phải nộp là 4.995.433.800 đồng và thửa đất số 235, tờ bản đồ số 39, lô số 58 khu L, Khu dân cư An Cư 3, số tiền sử dụng đất phải nộp là 4.894.417.200 đồng. Tổng số tiền sử dụng đất đối với 02 lô đất mà bà B phải nộp là 9.889.851.000 đồng. Ngày 14/11/2023, bà B đã nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 2.497.716.900 đồng.

Xét thấy, bà B thuộc diện giải toả, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực phía Tây Trường Chính trị. Theo khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai 2013 quy định về quyền chung của người sử dụng đất như sau: “*Được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này*”. Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai quy định về nguyên tắc bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất: “*Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.*”. Điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì “*đối tượng thu tiền sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở*”. Như vậy, bà B thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (kể cả đất tái định cư).

Ngày 08/12/2023, bà B có Đơn đề nghị hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với lô đất số 57 và 58, phân khu L thuộc khu vực phía Tây Trường Chính trị đoạn An Cư 4 còn lại, có xác nhận của UBND phường A, quận S, thành phố Đ. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị ban đầu của bà B, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố đã tham mưu cho Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND hỗ trợ 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39, lô số 57 khu L, khu dân cư An Cư 3 theo quy định tại Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đ quy định chính sách hỗ trợ tiền sử dụng đất và hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Đ. Tuy nhiên, nội dung của Quyết định số 23/QĐ-UBND chỉ hỗ trợ đối với lô đất số 57, không thể hiện việc hỗ trợ đối với lô số đất số 58 như theo đơn đề nghị hỗ trợ của bà B.

Sau khi nhận được Quyết định số 23/QĐ-UBND, bà B có nhiều đơn kiến nghị, khiếu nại gửi đến các cơ quan ban ngành chức năng với nội dung bà Bán không yêu cầu hỗ trợ tiền sử dụng đất mà mục đích là xin miễn, giảm 70% tiền sử dụng đất vì bà thuộc trường hợp “Thân nhân liệt sỹ” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Tại các văn bản của sở, ban, ngành, thành phố trả lời cho bà B đều thể hiện ý chí, nguyện vọng của bà B là xin được miễn, giảm tiền sử dụng đất. Như vậy, các cơ quan đều thừa nhận việc bà Bán xin miễn, giảm chứ không phải xin hỗ trợ tiền sử dụng đất như Đơn đề nghị hỗ trợ ban đầu. Các cơ quan, ban, ngành của thành phố Đ đã có nhiều động thái thiện chí trong việc xử lý yêu cầu xin miễn, giảm tiền sử dụng đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ khi

được Nhà nước bố trí đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất mà ở đây là trường hợp của bà B. Cụ thể tại Văn bản số 1943/VP-KGVX ngày 17/5/2024 của Văn phòng UBND thành phố Đ đã đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Thường vụ Thành uỷ về hướng dẫn áp dụng chính sách giảm tiền sử dụng đất theo Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dừng thực hiện Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố. Ngày 21/8/2024, bà Đoàn Thị B đã thực hiện thủ tục xin miễn, giảm tiền sử dụng đất; theo đó, bà đã làm đơn đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất lần đầu và có xác nhận của UBND phường A.

- Bà Đoàn Thị B là mẹ đẻ liệt sỹ Võ Văn Bốn (theo Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ số AH-394 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/5/2018) thuộc trường hợp *“Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sỹ”* theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 về ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gọi tắt là Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14) nên là đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Và điểm g khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 thì chế độ ưu đãi khác đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng quy định như sau: *“Miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước”*. Như vậy, bà Đoàn Thị B thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất ở theo quy định của pháp luật người có công.

Theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng quy định về Chế độ giảm tiền sử dụng đất tại điểm d (*thân nhân liệt sỹ*), khoản 3 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định được *“giảm 70% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở”*.

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất như sau: *“1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất thì chỉ được miễn hoặc giảm một lần trong trường hợp: Được Nhà nước giao đất để làm nhà ở hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang làm đất ở hoặc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở”*. Và khoản 2 Điều 12 Nghị định này quy định về Giảm tiền sử dụng đất như sau: *“2. Giảm tiền sử dụng đất đối với đất ở trong hạn mức giao đất ở (bao gồm giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận cho người đang sử dụng đất) đối với người có công với cách mạng mà thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công”*.

Mặt khác, hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có hiệu lực thi hành

kể từ ngày 01/8/2024 quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh: “... 1. *Tiền sử dụng đất (bao gồm tính, thu, nộp, miễn, giảm tiền sử dụng đất; xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ghi nợ tiền sử dụng đất)* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai trong các trường hợp: a) Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất ...” cũng như tại mục 2 quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Như vậy, bà B đủ điều kiện được giảm tiền sử dụng đất theo quy định, việc giảm tiền sử dụng đất chỉ được một lần, diện tích được giảm trong hạn mức giao đất ở, diện tích ngoài hạn mức phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thân nhân của liệt sỹ Võ Văn Bốn được hưởng các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng chỉ còn mẹ đẻ là bà Đoàn Thị B, bà B hiện nay đã gần 90 tuổi, già yếu, sức khỏe ngày càng giảm sút, không còn khả năng lao động, hộ gia đình liệt sỹ không còn khả năng lao động chính mà chỉ nhận phụ cấp hỗ trợ hằng tháng của Nhà nước đối với thân nhân thương binh liệt sỹ. Từ trước đến nay, bà sinh sống một mình mà chưa được xét cấp đất ở và hưởng chế độ của Nhà nước về hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất lần nào. Do đó, cần áp dụng các chính sách ưu đãi có lợi cho bà Bán, tạo điều kiện giảm tiền sử dụng đất đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà Bán, để bà được hưởng các chế độ ưu đãi, đãi ngộ của Nhà nước đối với người có công với cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy bỏ Quyết định số 23/QĐ-UBND về hỗ trợ tiền sử dụng đất đối với bà Đoàn Thị B, để UBND có thẩm quyền thực hiện các thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ khi được Nhà nước bố trí đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

[3.1] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3.2] Bà Đoàn Thị B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hoàn số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 30, 32, 143, 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, các Điều 196, 206 và 213 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về yêu cầu hủy Công văn số 288/SLĐTBXH-NCC ngày 29/01/2024 về việc trả lời đơn công dân.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B về yêu cầu hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc hỗ trợ tiền sử dụng đất.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hoàn số tiền tạm ứng án phí hành chính 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho người khởi kiện bà Đoàn Thị B theo Biên lai thu số 0001481 ngày 29/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn